

Số: **32** /GPMT-UBND

Trà Vinh, ngày **30** tháng 10 năm 2023

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét văn bản số 190/CV-BQLDA gửi ngày 18 tháng 10 năm 2023 của Ban Quản lý dự án đầu tư các công trình xây dựng cơ bản huyện Trà Cú về việc chỉnh sửa, bổ sung báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 481/TTr-STNMT ngày 19 tháng 10 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp phép cho Ban Quản lý dự án đầu tư các công trình xây dựng cơ bản huyện Trà Cú, địa chỉ tại khóm 5, thị trấn Trà Cú, huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án “Mở rộng bãi rác xã Long Hiệp” tại ấp Trà Sát A, xã Long Hiệp, huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án:

1.1. Tên dự án: Mở rộng bãi rác xã Long Hiệp.

1.2. Địa điểm hoạt động: Ấp Trà Sát A, xã Long Hiệp, huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh.

1.3. Quyết định số 3259/QĐ-UBND ngày 12 tháng 7 năm 2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Trà Cú về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Mở rộng bãi rác xã Long Hiệp.

1.4. Mã số thuế: 2100613959.

1.5. Loại hình dự án: Xử lý chất thải rắn sinh hoạt (chôn lấp hợp vệ sinh).

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án:

- Phạm vi: Dự án có tổng diện tích đất khoảng 7.525,2 m².

- Quy mô: Dự án có tiêu chí như dự án nhóm C (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Công suất: Chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt công suất 26,2 tấn/ngày.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải tuần hoàn và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban Quản lý dự án đầu tư các công trình xây dựng cơ bản huyện Trà Cú:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Ban Quản lý dự án đầu tư các công trình xây dựng cơ bản huyện Trà Cú có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải, bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân huyện Trà Cú nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm (từ ngày 30 tháng 10 năm 2023 đến ngày 30 tháng 10 năm 2033).

Điều 4. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân huyện Trà Cú tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Ban QLDA các CTXDCB huyện Trà Cú;
- CT, các PCT. UBND tỉnh;
- Sở TNMT (02 bản);
- UBND huyện Trà Cú;
- LĐVP;
- Cổng Thông tin điện tử UBND tỉnh;
- Lưu: VT, NN, *phoan/06*



TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

[Handwritten signature]
Nguyễn Quỳnh Thiện

Phụ lục 1
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC
VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM,
XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: **32** /GPMT-UBND
ngày **30** tháng **10** năm **2023** của Ủy ban nhân dân tỉnh)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

1. Nguồn phát sinh nước thải:

- 1.1. Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt.
- 1.2. Nguồn số 02: Nước rỉ rác và nước mưa nhiễm bẩn.
- 1.3. Nguồn số 03: Nước thải vệ sinh xe rác.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải: 01 dòng nước thải sau hệ thống xử lý nước thải, cụ thể:

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Nước thải sau xử lý được bơm tuần hoàn về hố chôn rác tại dự án.

2.2. Vị trí xả nước thải: Nước thải không xả thải ra môi trường mà được bơm tuần hoàn về hố chôn lấp rác. Tọa độ vị trí nước thải sau xử lý tại đầu ống xả thải ao lọc trước khi bơm hoàn về hố chôn rác: X=1072961; Y=591594 (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105°30', múi chiếu 3°).

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 75 m³/ngày đêm.

2.3.1. Phương thức xả nước thải: Bơm áp lực tuần hoàn về hố chôn lấp rác.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: Liên tục 24 giờ/ngày đêm.

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với nước thải, cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép (QCVN 25:2009/ BTNMT, cột B2)	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục (nếu có)
1	BOD ₅	mg/l	50	06 tháng/lần	Không thuộc đối tượng thực hiện quan trắc nước thải tự động liên tục tại Khoản 2, Điều 97, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP
2	COD	mg/l	300		
3	Tổng Nitơ (theo N)	mg/l	60		
4	Amoni, tính theo N	mg/l	25		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

1.1.1. Nước thải sinh hoạt được xử lý sơ bộ tại hầm tự hoại 3 ngăn sau đó dẫn về hệ thống xử lý nước thải để tiếp tục xử lý.

1.1.2. Nước thải vệ sinh xe rác trên nền sân bê tông theo độ dốc chảy về hố chôn lấp rác số 01. Nước rỉ rác và nước mưa chảy tràn nhiễm bẩn trong các hố chôn lấp được thu gom bằng hệ thống mương thu nước rỉ rác gồm mương chính và các mương nhánh, dẫn về hố ga chuyển bậc và được bơm sang hệ thống xử lý nước thải để xử lý và tuần hoàn về các hố chôn rác. Thông số của hệ thống thu gom như sau:

STT	Tên hạng mục	Số lượng	Thông số kỹ thuật (m)			Kết cấu
			Dài	Rộng	Sâu	
1	Mương chính hố số 01	01	52,4	1,5	0,5	Từ dưới lên: Đất nền đầm chặt, vải địa kỹ thuật, màng HDPE
2	Mương nhánh hố số 01	06	14,1	1,0	0,5	
3	Mương chính hố số 02	01	52,4	1,5	0,5	
4	Mương nhánh hố số 02	06	14,1	1,0	0,5	
5	Hố ga chuyển bậc	01	1,0	1,0	6,3	Bê tông cốt thép
6	Đường ống thu gom	01	75,3	Đường kính D225mm		Ống nhựa PVC D225
7	Máy bơm 01	01	Máy bơm chìm có phao tự động. Lưu lượng 300L/phút, cột áp H=11m. Đặt tại đầu vào bơm về ao chứa.			-
8	Máy bơm 02	01	Máy bơm chìm có phao tự động. Lưu lượng 300L/phút, cột áp H=11m. Đặt tại đầu ra sau ao lọc bơm về hố chôn rác.			

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Xây dựng 01 hệ thống xử lý nước thải, quy trình xử lý như sau: Nước thải → hệ thống thu gom → bơm về Ao chứa → Ao lắng → Ao lọc (đạt QCVN 25:2009/BTNMT, cột B2) → Bơm tuần hoàn về hố chôn rác.

- Công suất thiết kế: 75 m³/ngày đêm.

- Hóa chất sử dụng: Chế phẩm sinh học.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Từ ngày 01/5/2024 đến ngày 15/6/2024.

2.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải phải vận hành thử nghiệm: Hệ thống xử lý nước thải công suất 75 m³/ngày.đêm.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: Tại vị trí đầu ống xả thải của ao lọc dẫn về hồ chôn rác. Tọa độ vị trí: X=1072961; Y=591594 (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục 105⁰30', múi chiều 3⁰).

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:

STT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép (QCVN 25:2009/BTNMT, cột B2)
1	BOD ₅	mg/l	50
2	COD	mg/l	300
3	Tổng Nitơ (theo N)	mg/l	60
4	Amoni, tính theo N	mg/l	25

2.3. Tần suất lấy mẫu:

STT	Vị trí lấy mẫu	Số lượng mẫu	Tần suất lấy mẫu	Thời gian dự kiến lấy mẫu
1	Nước thải đầu vào (tại hố ga chuyển bậc)	01 mẫu	01 mẫu/ngày	Ngày 06/5/2024
2	Nước thải đầu ra (Tại vị trí đầu ống xả thải của ao lọc dẫn về hồ chôn rác)	03 mẫu	01 mẫu/ngày	Ngày 06/5/2024 Ngày 07/5/2024 Ngày 08/5/2024

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này.

3.2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác: Thực hiện đầy đủ chương trình giám sát môi trường định kỳ theo nội dung báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường.

Phụ lục 2
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 32 /GPMT-UBND
ngày 30 tháng 10 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

STT	Tên chất thải	Mã CTNH	Trạng thái tồn tại	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
1	Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải (trường hợp nếu bùn thải phân tích là chất thải nguy hại)	12 01 03	Rắn/bùn	2.160
Tổng cộng				2.160

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

STT	Tên chất thải	Khối lượng (kg/năm)
1	Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải (trường hợp nếu bùn thải phân tích là chất thải rắn công nghiệp thông thường)	2.160

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh của công nhân: 1.168 kg/năm.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường: Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải được lưu chứa tại 03 ao xử lý nước thải, định kỳ 03 tháng/lần sẽ thực hiện thu gom và chuyển cho đơn vị có chức năng xử lý đúng theo quy định.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt: Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh của công nhân tại dự án được thu gom, xử lý chung tại dự án.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG:

Thực hiện đầy đủ các nội dung về phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường đã nêu trong Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án như phòng, chống cháy nổ, phòng ngừa, ứng phó sự cố tại các hố chôn rác và hệ thống xử lý nước thải.

Phụ lục 3
CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
*(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 32 /GPMT-UBND
 ngày 30 tháng 10 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh)*

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

1. Hạng mục, kinh phí và thời gian thực hiện

STT	Tên hạng mục công trình	ĐVT	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)	Thời gian thực hiện và hoàn thành
Bãi rác mở rộng						Dự kiến 60 ngày
1	Thi công giăng thu khí	HT	0,6	13.130.420	7.878.252	Dự kiến 10 ngày
2	Phủ lớp bạt HDPE chống thấm, độ dày 1mm	100m ²	36,6	4.398.202	160.974.193	Dự kiến 10 ngày
3	Phủ lớp đệm (đất pha cát), chiều dày 50cm	100m ³	18,3	29.864.438	546.519.215	Dự kiến 15 ngày
4	Phủ lớp đất trồng, chiều dày 20cm	100m ³	7,32	29.864.438	218.607.686	Dự kiến 15 ngày
5	Trồng cỏ	100m ²	25,6	1.881.845	48.212.869	Dự kiến 10 ngày
Tổng giá trị trước thuế					982.192.215	
Thuế VAT 10%					98.219.222	
Tổng giá trị sau thuế					1.080.411.437	

2. Khoản tiền ký quỹ và thời điểm ký quỹ

Dự án dự kiến hoạt động trong khoảng thời gian 4 năm sẽ thực hiện đóng cửa bãi chôn lấp, thời gian thực hiện ký quỹ và chi phí thực hiện như sau:

- Lần 1 (năm thứ 1): Khi dự án bắt đầu hoạt động chôn lấp, ký quỹ số tiền 270.102.859 đồng.

- Lần 2 (năm thứ 2): Ký quỹ số tiền 270.102.859 đồng.

- Lần 3 (năm thứ 3): Ký quỹ số tiền 270.102.859 đồng.

- Lần 4 (năm thứ 4): Ký quỹ số tiền 270.102.860 đồng.

* Tiền ký quỹ nêu trên chưa bao gồm yếu tố trượt giá hàng năm.

3. Đơn vị nhận ký quỹ:

- Tên đơn vị: Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam.

- Địa chỉ: Tầng 6, Tòa nhà Nhà xuất bản Bản Đồ, 85 Nguyễn Chí Thanh, Quận Đống Đa, Hà Nội.

B. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Trong quá trình hoạt động chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt, Ban Quản lý dự án đầu tư các công trình xây dựng cơ bản huyện Trà Cú phải đảm bảo xử lý nước

thải tuần hoàn, không để thải ra môi trường xung quanh, gây tác động xấu đến người dân.

Thường xuyên phun xịt chế phẩm sinh học khử mùi hôi, diệt côn trùng tại bãi chôn lấp. Trồng thay thế, bổ sung cây xanh đảm bảo mật độ nhằm giảm thiểu mùi hôi phát tán ra khu vực xung quanh.

Định kỳ nạo vét bùn thải hệ thống xử lý nước thải của dự án, xử lý theo đúng quy định pháp luật về quản lý chất thải.

Sau khi kết thúc dự án, Ban Quản lý dự án đầu tư các công trình xây dựng cơ bản huyện Trà Cú phải thực hiện quá trình đóng bãi chôn lấp theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường./.